

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU CHI
THÁNG 12 NĂM 2025

I/ NGUỒN NGÂN SÁCH

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TÒN
		TÒN ĐK	DỰ TOÁN CẤP	DỰ TOÁN ĐÃ RÚT	
1	Ngân sách nguồn 13	2.134.650.627		2.125.895.313	8.755.314
2	Ngân sách nguồn 14 (9523)	1.652.590.031			1.652.590.031
3	Ngân sách nguồn 14 (9527)	5.229.817.486		2.755.975.529	2.473.841.957
4	Ngân sách nguồn 12 (9527)	199.467.206	834.600.000	1.005.887.151	28.180.055
5	Ngân sách nguồn 18 (9527)	766.199.000		766.198.758	242
	TỔNG CỘNG	9.982.724.350	834.600.000	6.653.956.751	4.163.367.599

II/ NGUỒN THU TẠI ĐƠN VỊ

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TÒN
		TÒN ĐK	THU	CHI	
1	Căn tin	416.179.560	23.000.000	9.200.000	429.979.560
2	Bãi xe	47.104.806		-	47.104.806
3	Lãi ngân hàng	8.074.256		8.074.256	
4	Anh văn giao tiếp	169.659.792	389.840.000	559.499.792	
5	Học phí	135.069.669	841.960.000	977.029.669	
6	Tổ chức PVBT	14.331.869	456.881.750	471.213.619	
7	Tin học chuẩn quốc tế	163.761.639	248.040.000	411.801.639	
8	Toán Khoa	244.521.286	272.800.000	517.321.286	
9	Kỹ năng sống	338.967.740	199.260.000	538.227.740	
10	Trang bị bán trú	123.965.664	2.100.000	97.552.255	28.513.409
11	Anh Văn tăng cường	5.598.000	9.177.000	14.775.000	
12	BHYT	1.234.537.200		1.233.273.600	1.263.600
13	Thu khác	(5.746.136)	99.892.000	92.606.305	1.539.559
14	Tiền ăn	1.128.485.898	1.406.160.000	2.520.752.120	13.893.778
15	Số liên lạc điện tử (eNetviet)	113.940.000	9.615.000	123.555.000	
16	Phần mềm K12	119.680.000	10.336.000	130.016.000	
17	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	280.557.174		22.063.700	258.493.474
18	Học phẩm	88.083.769	1.400.000	18.213.400	71.270.369
19	Nước uống	22.681.412	24.888.500	47.511.240	58.672
20	Khám sức khỏe	78.606.540		75.423.364	3.183.176
21	Stem	71.445.000	29.475.000	100.920.000	
	Tổng cộng	4.799.505.138	4.024.825.250	7.969.029.985	855.300.403

99.892.000

III/ CHI TIẾT CÁC QUỸ:

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			TÒN
		TÒN ĐK	THU	CHI	
1	Tiền mặt	2.971.382			2.971.382
2	Tiền gửi KB TK 3716	735.711.637	841.960.000	145.559.655	1.432.111.982
3	Tiền gửi NH NN TK 724	6.439.782.187	3.094.158.950	6.421.013.328	3.112.927.809
4	Tiền gửi NH Sài Gòn thương tín	371.064.008	1.492.180.337	1.670.226.336	193.018.009

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN			
		TÒN ĐK	THU	CHI	TÒN
5	Tiền gửi KB TK 3713	-	93.366.000	93.366.000	-
6	Quỹ khen thưởng	182.844.754	38.000.268		220.845.022
7	Quỹ Phúc lợi	393.862.317	301.480.850		695.343.167
8	Quỹ bổ sung thu nhập	2.797.991	807.000.000		809.797.991
9	Quỹ phát triển SN	1.454.292.065			1.454.292.065
10	Nguồn CCTL	719.728.108	277.837.973	57.239.025	940.327.056
	Tổng cộng	10.303.054.449	6.945.984.378	8.387.404.344	8.861.634.483

Kế toán



Trần Thị Thu Hà



Ngày 06 tháng 01 năm 2026

Hiệu trưởng

Trần Quang Minh